

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 18/02/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-DS ngày 09/6/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T; địa chỉ trụ sở: Số 57 phố L, phường Tr, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Ph – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L – Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ KHCN (Theo Giấy ủy quyền số 08/2019/UQ.TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Ông Nguyễn Vũ L ủy quyền lại cho ông Lê Văn Đ - Chức vụ: nhân viên tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền số 42/2021/UQ-TPB.RB ngày 08/4/2021. Ông Đ có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Phan Q, sinh năm 1988 và bà Ông Thị Hoàng D, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D vay vốn tại Ngân hàng TMCP T(sau đây gọi tắt là ngân hàng T) theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1384/2018/HDTD/TTBMT/01 ngày 06/11/2018 và hợp đồng cho vay số: 809/2020/HDTD/TTBMT/01 ngày 01/09/2020, cụ thể như sau:

- Khoản vay 1: Số tiền vay: 706.000.000 đồng; Thời hạn vay 84 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay mua ô tô và thanh toán phí bảo hiểm ATTD. Lãi suất trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 07/11/2018 đến ngày 07/11/2019 là 8,9 %/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 07/11/2025: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 4,15 % /năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

- Khoản vay 2: Số tiền vay: 9.880.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán chi phí mua bảo hiểm xe cơ giới theo hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 015-06 /20/2G/HD/02982. Lãi suất trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 01/09/2020 đến ngày 01/12/2020 là 12,79 % /năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 01/09/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng T tại thời điểm điều chỉnh cộng tiền độ 4,5%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu: Chevrolet màu: Đen, số Khung: MMM156EM0KH621459, số máy: LP2G182051115, BKS: 43A - 393.47, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063323 do công an TP Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2018 cho ông Lê Phan Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q và bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Tiên Phong. Tạm tính đến ngày 18/02/2022, ông Q và bà D còn nợ Ngân hàng T số tiền là: 603.636.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 526.570.369 đồng; nợ lãi trong hạn: 61.669.269 đồng, nợ lãi quá hạn 15.396.362 đồng.

Nay Ngân hàng Tyêu cầu Tòa án buộc ông Q và bà D phải thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho

tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày ông Q và bà D thực tế thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Q và bà D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị Tòa án cho kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Q và bà D để thu hồi nợ, cụ thể như sau: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu: Chevrolet, màu: Đen, số Khung: MMM156EM0KH621459, số máy: LP2G182051115, BKS: 43A - 393.47, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063323 do công an TP Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2018 cho ông Q.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn là ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D trình bày.

Ông bà có vay vốn tại Ngân hàng Ttheo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1384/2018/HDTD/TTBMT/01, ký ngày 06/11/2018, và hợp đồng cho vay số: 809/2020/HDTD/TTBMT/01, ký ngày 01/09/2020 với Ngân hàng Tcụ thể như sau:

- Khoản vay 1: Số tiền vay: 706.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Vay mua ô tô và thanh toán phí bảo hiểm ATTD.

- Khoản vay 2: Số tiền vay: 9.880.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán chi phí mua bảo hiểm xe.

Ông bà thừa nhận, tính đến ngày 22/09/2021 ông bà còn nợ số tiền như ngân hàng đưa ra là: 574.884.728 đồng, trong đó nợ gốc: 526.570.369 đồng; nợ lãi: 48.314.359 đồng. Do tình hình dịch bệnh khó khăn gây ảnh hưởng đến công việc kinh doanh nên hai vợ chồng ông bà có chậm thanh toán cho ngân hàng. Nay ông bà mong muốn ngân hàng cho ông bà được trả lãi cho khoản vay trên là 06 (sáu) tháng, sau thời gian trên ông bà cam kết sẽ trả lãi và gốc cho ngân hàng.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện, 02 Giấy ủy quyền, bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, bản kê tính lãi; các bản sao: Hồ sơ tư cách pháp lý của ngân hàng; Giấy đề nghị vay vốn; Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 1384/2018/HDTD/TTB MT/01 ký ngày 06/11/2018 và hợp đồng sửa đổi bổ sung; Hợp đồng cho vay số 809/2020/HDTD/TTB MT/01 ký ngày 01/09/2020; Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063323; Báo cáo thẩm định phương tiện giao thông vận tải; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Trích lục bản sao kết hôn. Chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu của bị đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 463, 466, 299, 303 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng T và xử: Buộc ông Q và bà D phải trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày xét xử là 603.636.000 đồng, trong đó nợ gốc: 526.570.369 đồng; nợ lãi trong hạn: 61.669.269 đồng, nợ lãi quá hạn 15.396.362 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp ông Q và bà D không thanh toán nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Án phí dân sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Q và bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Ông Q và bà D có vay của Ngân hàng T số tiền 706.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1384/2018/HDTD/TTBMT/01 ngày 06/11/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 1384/2018/HDTD/TTB

MT/01/SDBS/01 ngày 31/8/2020. Thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay là để mua ô tô và thanh toán phí bảo hiểm An tâm tín dụng; lãi suất trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 07/11/2018 đến ngày 07/11/2019 là 8,9 %/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 07/11/2025: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm 12 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,15 % /năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Ngày 01/09/2020 ông Q, bà D và Ngân hàng Ttiếp tục ký kết hợp đồng cho vay số: 809/2020/HDTD/TTBMT/01 vay số tiền 9.880.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Mục đích vay: Thanh toán chi phí mua bảo hiểm xe cơ giới theo hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số: 015-06 /20/2G/HD/02982. Lãi suất trong hạn: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 01/09/2020 đến ngày 01/12/2020 là 12,79 % /năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 01/09/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội D thoả thuận trong hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng thì từ tháng 02 năm 2021 ông Q và bà D không trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Q và bà D trả cho Ngân hàng Tsố tiền nợ của các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/02/2022 là: 603.636.000 đồng. Trong đó nợ gốc: 526.570.369 đồng; nợ lãi trong hạn: 61.669.269 đồng, nợ lãi quá hạn 15.396.362 đồng.

[2.2] Về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì ông Q bà D đã dùng tài sản của mình là xe ô tô mang nhãn hiệu: Chevrolet màu: Đen, số Khung: MMM156EM0KH621459, số máy: LP2G182051115, BKS: 43A - 393.47 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063323 do công an TP Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2018 cho ông Lê Phan Q) thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1384/2018/HDTD/TTBMT/01 ngày 06/11/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/11/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Việc thỏa thuận thế chấp tài sản để đảm bảo giữa các bên là tự nguyện, nội D thỏa thuận không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên việc thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do vậy, trường hợp ông Q bà D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nói trên để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q bà D phải chịu theo qui định của pháp luật là 28.145.000 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng ông Q bà D phải chịu theo qui định của pháp luật. Ngân hàng T đã nộp và chi xong nên cần buộc ông Q bà D trả lại cho Ngân hàng Tsố tiền 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 299, 303 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Tđổi với ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Tsố tiền 603.636.000 đồng (*sáu trăm lẻ ba triệu sáu trăm ba sáu nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 526.570.369 đồng, nợ lãi trong hạn là 61.669.269 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.396.362 đồng (lãi được tính đến ngày 18/02/2022).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1384/2018/HDTD/TTBMT/01 ngày 06/11/2018, văn bản sửa đổi, bổ sung số 1384/2018/HDTD/TTB MT/01/SDBS/01 ngày 31/8/2020 và hợp đồng cho vay số: 809/2020/HDTD/TTBMT/01 ngày 01/09/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Tthì Ngân hàng TMCP Tcó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm để thu hồi nợ là xe ô tô mang nhãn hiệu: Chevrolet màu: Đen, số khung: MMM156EM0KH621459, số máy: LP2G182051115, Biển kiểm soát: 43A - 393.47 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063323 do công an TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2018 cho ông Lê Phan Q) theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1384/2018/HDTD/TTBMT/01 ngày 06/11/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/11/2018 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D phải chịu 28.145.000 đồng (*hai tám triệu một trăm bốn lăm nghìn đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T12.852.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm năm hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8291 ngày 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Buộc ông Lê Phan Q và bà Ông Thị Hoàng D phải trả cho Ngân hàng TMCP Tsố tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Phạm Anh Tuấn